

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2021/DS-ST**

Ngày: **02-12-2021**

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và giao dịch hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày **02 tháng 12 năm 2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **01/2020/TLST-DS** ngày **07 tháng 01 năm 2020** về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và giao dịch hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **84/2021/QĐXXST-DS** ngày **11 tháng 6 năm 2021**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; **có mặt.**

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn L là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: Số XX Võ Văn K, phường A, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp; **có mặt.**

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L1, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; **vắng mặt.**

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Hữu G, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2020); **có mặt.**

Người bảo vệ quyền và L2 ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Quang T là Luật sư của Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: Khóm X, phường A, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp; **có mặt.**

3. *Người làm chứng*: Nguyễn Kim T1, sinh năm 1986; Trịnh Thị B, sinh năm 1984; Lê Văn L2, sinh năm 1983; Lê Văn G1, sinh năm 1980; Văng Thị Kim T2; Nguyễn Thị B P; Phạm Ngọc Y, sinh năm 1972; Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981; Trương Thúy V1; Đàm Thị Thu T1; Lê Thị V; Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1979; Nguyễn Nguyên Đ; Chung Thị N2. Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1945. Địa chỉ: ấp 2, xã Long H, huyện Phú T, tỉnh An Giang; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh V, trình bày:

Bà và bà L1 không có bà con, chỉ là hàng xóm. Bà L1 đã từng tham gia hội do bà làm chủ vào năm 2016, nhưng hiện nay các dây hội này đã kết sổ. Nhưng bà L1 vẫn còn nợ tiền hội của bà, cụ thể:

1/ Hội mở lần đầu ngày 25/3/2016 âm lịch, hội tháng 2.000.000đ, gồm 20 phần, bà L1 tham gia 02 phần. Phần thứ nhất, bà L1 hót đầu tiên, đưa ra lãi là 380.000đ, lĩnh được 28.360.000đ, không có châu hội chết cho bà. Phần thứ hai, bà L1 hót hội kỳ thứ ba, đưa ra mức lãi là 450.000đ, lĩnh được 29.550.000đ, không châu hội chết. **Bà châu hội hết cho bà L1 số tiền cụ thể bao nhiêu không nhớ.**

2/ Hội mở ngày 21/3/2016 âm lịch, hội tháng 3.000.000đ, gồm 22 phần, bà L1 tham gia 01 phần. Bà L1 hót hội kỳ thứ hai, đưa ra mức lãi là 720.000đ, lĩnh được 47.400.000đ, không châu hội chết.

3/ Hội mở ngày 09/3/2016 âm lịch, hội tháng 2.000.000đ, gồm 21 người, bà L1 tham gia 01 phần, bà L1 hót hội kỳ thứ nhất, đưa ra mức lãi là 550.000đ, lĩnh được số tiền 26.750.000đ, không châu hội chết.

4/ Dây hội mở ngày 12/12/2016 âm lịch, hội tháng 3.000.000đ, gồm 22 phần, bà L1 tham gia một phần, bà L1 lĩnh hội đầu tiên, đưa ra mức lãi 815.000đ, lĩnh được số tiền là 44.685.000đ, không châu hội chết.

5/ Hội 10 ngày 200.000đ mở ngày 12/9/2016 âm lịch, gồm 47 phần, bà L1 tham gia 2 phần, bà L1 lĩnh hội kỳ thứ mấy không nhớ, chỉ nhớ lĩnh hội phần thứ nhất được số tiền 6.750.000đ, phần thứ hai được số tiền 6.540.000đ, không châu hội chết.

6/ Hội ngày 20.000đ, bà mở hội lần đầu ngày 27/5/2016, hội gồm 65 phần, bà L1 tham gia 45 phần, ngày đầu bia hội bà L1 đã lĩnh 45 phần, đưa ra mức lãi

là 2.000đ/phần, được số tiền 50.940.000đ, châu hụi chết được 18 ngày x 900.000đ = 16.200.000đ, còn nợ lại bà 46 ngày x 900.000đ = 41.400.000đ.

Tổng cộng tiền hụi bà L1 còn nợ lại bà số tiền là: 231.435.000đ.

Hiện các giấy tờ hụi nêu trên đã lâu không còn để cung cấp cho Tòa án.

Không nhớ ngày tháng, năm 2017, bà và bà L1 gặp nhau để chốt lại số tiền hụi mà bà L1 còn nợ bà, tại nhà bà L1, có mặt bà và bà L1, có làm giấy tờ nhưng bà L1 giữ.

Bà và bà L1 thỏa thuận, bà L1 mượn tiền hụi của bà để trả qua tiền hụi chết mà bà L1 nợ bà, việc thỏa thuận không làm giấy tờ, chỉ có bà và bà L1 biết. Cụ thể bà L1 tham gia hụi do bà làm chủ; Bà L1 đến vay tiền bà, nên bà đưa ra mức lãi để hốt hụi sống, hốt hụi được tiền thì đưa cho bà L1 vay, sau đó bà L1 đóng hụi chết cho bà. Vay tiền gồm các lần (bà hốt hụi do chính bà làm chủ), như sau:

1/ Ngày 25/3/2016, dây hụi 2.000.000đ, một tháng khui một lần, gồm 20 phần, bà tham gia 01 phần, đưa ra mức lãi 450.000đ, hốt được số tiền 36.500.000đ.

2/ Ngày 29/02/2017, dây hụi 1.000.000đ, 25 phần, bà tham gia 01 phần, bà đưa ra mức lãi 230.000đ hốt được số tiền 21.610.000đ. Tại phiên tòa, thống nhất rút lại phần này.

3/ Ngày 02/7/2017, dây hụi 1.000.000đ, 22 phần, bà tham gia 01 phần, đưa ra mức lãi 200.000đ, hốt hụi được số tiền 18.600.000đ.

4/ Ngày 25/9/2017, dây hụi 2.000.000đ, 20 phần, bà tham gia 01 phần, đưa ra mức lãi 490.000đ, hốt hụi được số tiền 31.360.000đ.

5/ Ngày 21/11/2017, dây hụi 3.000.000đ, 26 phần, bà tham gia 01 phần, đưa ra mức lãi 830.000đ, hốt hụi được số tiền 56.880.000đ.

(Các đương sự tính theo ngày âm lịch.)

Tổng cộng 05 lần mượn hụi với số tiền: 164.950.000đ. Trừ qua số tiền hụi chết bà L1 còn nợ lại 67.435.000đ. Sau đó, có trả cho bà được số tiền 66.000.000đ, còn lại khoảng 1.700.000đ thì bà bỏ, không tính nữa. Nhưng từ khi mượn hụi thì bà L1 cũng không châu hụi chết cho bà được ngày nào.

6/ Ngày 26/11/2017, vay 150.000.000đ, có làm Biên nhận do bà L1 viết nhưng bà L1 không có ký tên, lãi suất 2%/tháng, đóng được khoảng 5-6 tháng, được số tiền 12.000.000đ, việc đóng lãi không có làm biên nhận. Không nhớ ngày tháng năm bà L1 trả được tiền gốc 50.000.000đ, có làm Biên nhận do bà ghi hiện bà L1 đang giữ, còn nợ lại số tiền 100.000.000đ. Bà không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại lãi suất theo quy định pháp luật.

Trong 06 lần vay tiền đều ghi Biên nhận nhưng không ai chứng kiến, các tờ biên nhận đều là do bà L1 viết. Biên nhận ngày 26 tháng 11 không có năm với nội dung là bà L1 có mượn số tiền là 150.000.000đ là chữ viết của bà L1, bà yêu cầu Tòa án giám định chữ viết của bà L1. Vì bà L1 hứa bán đất hoặc vay tiền Nhà nước để trả nợ cho bà nên bà tin tưởng liên tục cho bà L1 vay tiền. Việc anh G

trình bày có mượn tiền hội nhưng bà không có đưa tiền là không đúng sự thật vì mỗi lần nhận tiền thì bà L1 đều làm Biên nhận. Còn việc có hai dòng chữ nội dung giống nhau là vì bà giao hội nên bà ghi Biên nhận giao cho bà L1 còn bà L1 nhận tiền thì ghi Biên nhận giao cho bà giữ. Bà sẽ cung cấp những người làm chứng chứng minh bà có cho bà L1 mượn hội.

Đến ngày 25/4/2019 thì bà L1 có tham gia dây hội do bà làm chủ, hội 2.000.000đ, có 19 phần, bà L1 tham gia 01 phần, bà L1 châu được 01 lần với số tiền 1.580.000đ thì ngưng không châu nữa do bị vỡ nợ, dây hội này hiện chưa mãn. Anh G trình bày 1.800.000đ bà không đồng ý.

Tổng cộng hiện tại bà L1 nợ bà số tiền 264.950.000đ. Nay bà yêu cầu bà Lê Thị L1 trả lại số tiền vay còn nợ 264.950.000đ, không yêu cầu tính lãi. Bà chỉ yêu cầu một mình bà L1 trả nợ không yêu cầu thành viên khác trong gia đình bà L1 trả nợ.

Bà L1 từng nhờ bà vô dùm bà L1 một phần hội tháng 5.000.000đ, do bà Nguyễn Thị H1 làm chủ, lĩnh hội để trả lại số tiền nợ bà. Sau đó, bà lĩnh phần hội của bà H1 được số tiền 86.600.000đ nhưng bà L1 không chịu cần qua số tiền hội đã nợ. Bà L1 cũng không châu hội chết cho bà H1, anh G chỉ thừa nhận số tiền vay 100.000.000đ, không thừa nhận số tiền nợ hội. Nay bà L1 có yêu cầu phản tố yêu cầu bà trả lại số tiền lãi đã đóng vượt mức lãi suất quy định là 243.040.000đ và số tiền hội là 3.000.000đ (Trong đó, số tiền hội ngày bà L1 đã đóng là 16.200.000đ, số tiền hội tháng bà L1 đã đóng được một tháng là 1.800.000đ, trừ đi số tiền hội bà L1 còn nợ 15.000.000đ, còn lại 3.000.000đ). Tổng cộng là 246.040.000đ (Hai trăm, bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) thì bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L1.

Còn dây hội của bà Tư Bán vải (Nguyễn Thị H1) mở ngày 02/6/2017 bà L1 nhờ bà vô dùm thì đã dứt xong, bà lĩnh hội từ bà Tư đã giao lại cho bà L1 rồi.

Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà L1 trả lại cho bà 100.000.000đ vay tiền mặt và 78.000.000đ vay tiền hội, tổng cộng 178.000.000đ.

Bị đơn, bà Lê Thị L1 do anh Nguyễn Hữu G đại diện, trình bày: Bà L1 không có bà con gì với bà V, chỉ là hàng xóm. Bà L1 có tham gia chơi hội do bà V làm chủ. Chơi hội từ năm 2011, từ năm 2011 đến năm 2013 thì khi đưa ra mức lãi để được lĩnh hội thì bà V có giao tiền đầy đủ cho bà L1, còn từ năm 2013 đến nay bà L1 vẫn tiếp tục chơi hội do bà V làm chủ nhưng mỗi lần bà L1 lĩnh hội thì bà V không có đưa tiền cho bà L1, cụ thể: Dây hội ngày 12/10/2013 âm lịch, hội 20 phần, bà L1 tham gia hai phần, cho bà L1 1 phần, chị anh tên Thúy, không rõ họ tên 01 phần. Chị Thúy hót hội kỳ thứ nhất, đưa ra mức lãi 820.000đ, lĩnh được số tiền bao nhiêu không biết, bà V đưa biên nhận kêu mẹ anh ký tên khi nào gom hội thì đưa tiền sau nhưng bà V không đưa tiền, còn phần hội thứ hai thì mẹ anh lĩnh hội nhưng bà V cũng không đưa tiền. Bà L1 châu hội chết được số tiền bao nhiêu không nhớ, chỉ nhớ châu được vài tháng. Hai phần hội này anh cũng không rõ bà V nợ lại bà L1 bao nhiêu tiền. Đối với dây hội này bà L1 không có yêu cầu

bà V trả tiền lại. Hụi ngày, không rõ mở ngày nào, không xác định được người tham gia, 45 dây hụi, ngày 20.000đ, bà L1 tham gia 45 phần, mỗi dây tham gia 01 phần, dây hụi này bà L1 châu được 18 ngày x 900.000đ = 16.200.000đ, hụi này mãn rồi nhưng bà L1 chưa lĩnh hụi, phần này bà V còn nợ lại 16.200.000đ. Hụi tháng, mở ngày 21/11/2017, do bà V làm chủ, hụi 3.000.000đ, gồm 26 phần, dây hụi này bà V lĩnh được 56.880.000đ. Bà L1 mượn hụi để trừ nợ, bà L1 châu lại hụi chết được 21 lần còn nợ lại 05 lần chưa châu với số tiền 15.000.000đ.

Ngày 25/3/2016 bà V đến báo là bà L1 thiếu 150.000.000đ tiền hụi, bà L1 thừa nhận nợ tiền hụi bà V số tiền là 150.000.000đ nên đóng tiền lãi mỗi tháng 9.000.000đ, từ ngày 25/3/2016 đến 25/7/2019 là 336.000.000đ, việc đóng lãi có làm giấy tờ. Tiền gốc thì có trả được 50.000.000đ vào ngày 13/9/2018. Còn biên nhận mà bà V nộp có nội dung bà L1 nợ 150.000.000đ ngày 26/11 là chữ viết của bà L1, nhưng không có ký tên nên không chấp nhận.

Bà V yêu cầu bà L1 tham gia dây hụi 02/6/2017 âm lịch của bà Tư bán vải để lĩnh hụi trả nợ, nhưng do bà V tham gia, lĩnh hụi, châu hụi. Bà L1 chỉ đưa tiền cho bà V châu hụi chết, châu 19 lần x 5.000.000đ = 95.000.000đ, nhưng bà V không trừ vào tiền hụi còn nợ. Không có làm giấy, nhưng có lần bà L1 không có tiền nên mượn tiền người khác để châu hụi, anh sẽ cung cấp họ tên người làm chứng.

Đến ngày 02/02/2019, bà V tiếp tục yêu cầu bà L1 tham gia dây hụi do bà Tư bán vải làm chủ, lĩnh hụi được 86.600.000đ bà V lấy tiền, bà L1 châu hụi sống 02 lần không nhớ số tiền, hụi chết được 04 lần x 5.000.000đ = 20.000.000đ, dây hụi này bà L1 châu được bao nhiêu không rõ, bà V không có làm biên nhận.

Bà L1 có mượn hụi của bà V 05 lần như bà V trình bày nhưng thực tế không được nhận tiền, trong 05 tờ Biên nhận mà bà V cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà L1. Nhưng thực tế bà L1 có trả nợ hụi cho bà V 04 dây ngày 25/3/2016, 29/02/2017, 02/7/2017, ngày 25/9/2017 đầy đủ, chỉ có dây hụi ngày 21/11/2017 là còn nợ lại 15.000.000đ. Việc trả tiền hụi không làm giấy tờ, vì châu hụi chết hàng tháng.

Đến ngày 25/4/2019, thì bà L1 có tham gia dây hụi do bà V làm chủ, hụi 2.000.000đ, có 19 phần, bà L1 tham gia 01 phần, bà L1 châu được 01 lần với số tiền 1.530.000đ, không có biên nhận, thì ngưng không châu nữa do bị vỡ nợ, dây hụi này hiện chưa mãn. Bà V đưa Biên nhận cho bà L1 ký tên nói là bà L1 lĩnh hụi rồi, nhưng thực tế chưa lĩnh.

Như vậy, bà L1 nợ tiền hụi bà V 150.000.000đ, đã trả được 50.000.000đ + 95.000.000đ (tiền hụi dây hụi 02/6/2017) cộng với tiền hụi ngày 02/02/2019 mà bà L1 châu 06 lần là coi như đã đủ số nợ 150.000.000đ.

Nay bà V yêu cầu bà L1 trả lại số tiền vay còn nợ gốc 264.950.000đ thì bà L1 không thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà V. Tại phiên tòa, anh G chấp nhận trả 15.000.000đ.

Bà L1 có yêu cầu phản tố yêu cầu bà Phạm Thị Thanh V trả lại số tiền lãi đã đóng vượt mức lãi suất quy định là 243.040.000đ và số tiền hui là 3.000.000đ (Trong đó số tiền hui ngày bà L1 đã đóng là 16.200.000đ, số tiền hui tháng bà đã đóng được một tháng là 1.800.000đ, trừ đi số tiền hui bà L1 còn nợ 15.000.000đ, còn lại 3.000.000đ). Tổng cộng là 246.040.000đ. Tại phiên tòa, anh G rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố.

Người làm chứng, chị Huỳnh Thị Thúy N trình bày: Chị không có bà con hay mâu thuẫn gì với bà L1, bà V. Chị có tham gia nhiều dây hui do bà V làm chủ, nhưng chưa từng chơi chung dây hui nào với bà L1, chị có từng tham gia dây hui không nhớ ngày tháng năm nào, có lần bà V đi thu tiền hui thì chị hỏi bà V ai hốt hui thì bà V nói hốt hui cho bà L1 mượn nhưng thực tế bà V có cho bà L1 mượn tiền hay không thì chị không biết, bà V lĩnh được bao nhiêu tiền, bia bao nhiêu, bao nhiêu hui viên thì chị không nhớ. Lúc đó, bà V có đưa danh sách hui cho chị nhưng chị không còn giữ, việc bà L1 có nợ tiền vay, hui chết của bà V hay không thì chị không rõ, theo chị nghĩ không thể có trường hợp ghi biên nhận mà không nhận tiền, ngoài ra chị không trình bày gì thêm.

Người làm chứng, anh Lê Văn G1 trình bày: Anh không có bà con hay mâu thuẫn gì với bà L1, bà V, anh có tham gia chung với bà L1 01 dây hui mở ngày 25 không nhớ tháng năm, không nhớ rõ bao nhiêu phần, hui do bà V làm chủ. Lý do anh biết bà L1 cùng tham gia là do khi đi thu tiền hui thì anh nghe bà V nói bà V hốt hui cho bà L1 mượn, nhưng anh không nhớ bà V có vừa làm chủ vừa tham gia hui hay không, cũng không rõ bà V hốt phần hui của bà V rồi cho bà L1 mượn tiền hay là hốt phần hui của bà L1, không nhớ bia hui bao nhiêu chỉ nhớ hui 2.000.000 đồng bia khoảng 400.000 đồng. Lúc tham gia hui bà V có làm danh sách hui đưa anh nhưng lâu quá nên không còn giữ giấy không nhớ tên hui viên. Việc bà L1, bà V chơi hui như thế nào thì anh không biết.

Người làm chứng, bà Phan Ngọc Y trình bày: Bà không có bà con hay mâu thuẫn gì với bà L1, bà V, bà tham gia nhiều dây hui do bà V làm chủ, trong đó có vài dây hui tham gia cùng với bà L1, hui mở không nhớ ngày tháng năm 2016, nghe nói lại là có nợ hui chết của bà V nhưng không rõ số nợ bao nhiêu. Năm 2017, bà có tham gia 01 dây hui 1.000.000 đồng, không nhớ rõ thời gian, nhưng bà V vừa làm chủ vừa tham gia hui nên có một lần bà V đi thu tiền hui thì bà hỏi bà V là ai hốt hui thì bà V trả lời là bà V hốt cho bà L1 mượn, còn trực tiếp bà V có đưa tiền cho bà L1 hay không thì bà không rõ. Lúc tham gia hui thì bà V có đưa danh sách hui nhưng đã lâu nên bà không còn giữ danh sách. Bà nhớ khoảng năm 2016-2017 có một lần bà V mượn tiền của bà khoảng 70.000.000 đồng-80.000.000 đồng, bà V nói cho bà L1 mượn lại, Sau đó, bà L1 nhờ người khác không rõ họ tên năm sinh địa chỉ đến gặp bà để xác minh là bà V có mượn tiền của bà hay không. Việc vay tiền, thiếu hui chết, mượn hui giữa bà V, bà L1 là bao nhiêu thì bà không biết. Theo bà, có mượn tiền mới làm biên nhận, sau khi trả nợ

xong thì phải xé bỏ biên nhận, chứ không thể có trường hợp ghi biên nhận xong mà không nhận tiền, ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Người làm chứng, bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà không có bà con với bà V, bà L1 chỉ quen biết bà V, không quen biết bà L1. Bà V có tham gia 02 dây hội do bà làm chủ. Dây hội mở ngày 02 âm lịch, không nhớ tháng năm, hội 5.000.000 đồng, đã mãn hội xong, không nhớ cụ thể bà V đưa ra lãi bao nhiêu, chỉ nhớ khoảng 800.000 đồng, lĩnh được bao nhiêu cũng không nhớ, bà nhớ bà V lĩnh hội kỳ thứ hai, hai dây hội này đã kết sổ, bà V đã châu hội chết đầy đủ, toàn bộ quá trình tham gia hội, lĩnh hội, châu hội chết đều do bà V thực hiện, bà L1 chưa từng châu hội chết cho bà. Bà V kể lại là bà V tham gia hội dùm bà L1 nhưng thực tế bà không chứng kiến bà V lĩnh hội giao tiền cho bà L1, bà L1 cũng không châu hội chết cho bà lần nào hết. Bà cũng làm chủ hội đã lâu nhưng cũng gặp nhiều trường hợp hội viên mua bán hội, nhưng trường hợp bà V, bà L1 thì bà không rõ, khi bà V lĩnh hội thì bà có giao giấy hội thể hiện số tiền lĩnh được cho bà V, nhưng không có giao giấy tờ sổ sách gì cho bà L1 vì bà không quen biết qua lại gì với bà L1. Bà V chơi hội thì bà biết bà V, trong thực tế cũng có trường hợp tay em nợ hội chết thì chủ hội làm biên nhận nợ thay thế tiền nợ hội chết nhưng bà chưa từng làm vậy, có nợ hội thì để họ trả từ từ chứ không vay nợ để họ trừ hội chết, còn việc bà V, bà L1 có thiếu nợ gì thì bà không biết đến vì không quen bà L1.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Kim T1 trình bày: Chị không có bà con hay tranh chấp gì với bà L1, bà V. Chị có tham gia nhiều dây hội do bà V làm chủ, trong đó có vài dây hội cùng tham gia với bà L1 nhưng không rõ dây hội mở ngày tháng năm nào, chỉ nhớ khoảng năm 2016, 2017, việc bà L1 còn nợ hội chết bà V hay không thì chị không rõ, xác nhận bà V nộp cho Tòa án là do chị ghi cung cấp cho bà V, dây hội không nhớ ngày tháng năm mở hội, không nhớ bao nhiêu phần, do bà V làm chủ, bà L1 không tham gia nhưng bà V vừa làm chủ vừa tham gia, khi bà V đi thu tiền hội thì chị có hỏi là ai hốt hội thì bà V trả lời là bà V hốt hội để cho bà L1 mượn còn việc bà V có cho bà L1 mượn tiền hay không thì chị không biết. Việc bà L1 có nợ tiền vay, hội chết của bà V hay không thì chị không rõ, theo chị nghĩ không thể có trường hợp ghi biên nhận mà không nhận tiền, ngoài ra chị không trình bày gì thêm.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Kim C trình bày: Chị không có bà con hay mâu thuẫn gì với bà L1, bà V, chị có tham gia hội do bà V làm chủ, trong đó có dây hội không nhớ ngày tháng năm 2017, bà V làm chủ đồng thời tham gia chơi, khi bà V thu tiền hội thì chị có hỏi ai hốt thì bà V trả lời là bà V lĩnh hội cho bà L1 mượn nhưng bà V lĩnh được bao nhiêu thì bà cũng không biết, lãi bao nhiêu không nhớ, lúc đó bà V có đưa danh sách hội nhưng hiện chị không còn giữ, chỉ nhớ dây hội 2.000.000 đồng. Chị cũng không chứng kiến bà V giao tiền cho bà L1, sau khi lĩnh hội xong thì ai châu hội chết chị cũng không rõ, chị chỉ nghe bà V kể lại là lĩnh hội cho bà L1 mượn, còn việc bà V, bà L1 có nợ tiền gì nhau chị đều không biết. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Thu H, Lê Văn L2, Trịnh Thị B: Thống nhất theo lời trình bày của chị Chi, không bổ sung gì thêm.

Ý kiến tranh luận của Luật sư Lê Văn L: Đề nghị buộc bà L1 trả cho bà V số tiền 178.000.000đ.

Ý kiến tranh luận của Luật sư Ngô Quang T: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà V. Chấp nhận sự tự nguyện bà L1 trả cho bà V số tiền 15.000.000đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà L1 trả cho bà V số tiền 178.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và giao dịch hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường.

[2] Tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của BLTTDS quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và L2 ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”; “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” và “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Các đương sự giao kết hàng loạt giao dịch, nhưng không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ các bên giao nộp, chứng cứ đã thu thập được cho đến tại phiên tòa sơ thẩm để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị L1, do anh G đại diện, rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử theo quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 của BLTTDS; Bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà L1 trả số tiền 178.000.000đ là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh V yêu cầu bà Lê Thị L1 trả số tiền vay còn nợ 178.000.000đ, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ để chấp nhận, vì:

[5] Bà V đã chứng minh được việc bà L1 thừa nhận tiền vay do bà lĩnh hội giao là các giấy ghi nhận tiền các phần hội ngày 25/3/2016, 29/02/2017, 02/7/2017, 25/9/2017, 21/11/2017 (theo ngày Âm lịch), với tổng số tiền là 164.950.000đ. Anh G đại diện cho bà L1 thừa nhận bà L1 có ghi các giấy nhận tiền nhưng đã trả tiền, trừ căn chỉ còn lại 15.000.000đ, chấp nhận trả, nhưng chưa cung cấp được chứng cứ trừ căn rõ ràng.

[6] Đối với khoản tiền vay 150.000.000đ bà V cũng đưa ra được chứng cứ là giấy ghi nợ của bà L1, tuy không có chữ ký tên nhưng có ghi rõ nội dung nợ. Anh G cũng thừa nhận do bà L1 viết nhưng là khoản tiền nợ hội, cũng chưa có chứng cứ chứng minh. Hai bên thừa nhận trùng khớp khoản tiền đã trả 50.000.000đ. Do đó, chấp nhận khoản tiền vay theo trình bày của nguyên đơn, bà L1 còn nợ bà V 100.000.000đ.

[7] Tại phiên tòa, anh G cũng thừa nhận bà L1 có nợ tiền bà V, nhưng việc bà V trừ căn không rõ ràng, không biết tiền gì nên không chấp nhận. Anh G xuất trình đoạn ghi âm cho rằng bà V thừa nhận đã tính xong hết 4 lần hội. Bà V ghi tiền còn lại là 177.400.000đ, không nói gì đến số tiền vay 150.000.000đ, nhưng sau đó hai bên không nhất nên không đạt được thỏa thuận, khi bà V về lấy biên nhận 150.000.000đ để đối chiếu, thì không còn ghi âm nữa.

[8] Như vậy, việc anh G căn cứ vào đoạn ghi âm của anh để không chấp nhận yêu cầu của bà V là chưa phù hợp. Việc vay, hội giữa các bên tin tưởng nhau, không ghi rõ ràng, thời gian đã lâu, nên không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Từ đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những chứng cứ mà các bên cung cấp và thừa nhận với nhau để giải quyết vụ án theo quy định.

[9] Bà V đã tự nguyện trừ, giảm tiền nợ, chỉ yêu cầu bà L1 trả số tiền 178.000.000đ, không yêu cầu tính lãi là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Đối với phần các đương sự trình bày nhưng không có tranh chấp nên không xem xét.

[11] Ý kiến đề xuất của kiểm sát viên và Luật sư L là có căn cứ nên chấp nhận; Chấp một phần ý kiến đề nghị của Luật sư T.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử lý theo quy định. Bà L1 phải chịu án phí do yêu cầu của bà V được Tòa án chấp nhận.

[13] Về chi phí giám định: Căn cứ vào các Điều 161 và 162 BLTTDS, buộc bà L1 phải trả lại cho bà V số tiền 5.535.000 đồng chi phí giám định, do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ. (Lúc đầu, anh G không thừa nhận chữ viết của bà L1.)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 93, 95, 144, 147, 161, 162 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị L1 đã rút, về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thanh V trả số tiền 246.040.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh V.

Buộc bà Lê Thị L1 trả cho bà Phạm Thị Thanh V số tiền vay và tiền hội còn nợ 178.000.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Lê Thị L1 phải chịu 8.900.000đ, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.151.000đ, theo biên lai thu số BH/2018/0001388 ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, còn phải nộp tiếp 2.749.000đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

3.2. Bà Phạm Thị Thanh V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.624.000đ (Sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0001216 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí giám định: Buộc bà Lê Thị L1 phải trả lại cho bà Phạm Thị Thanh V 5.535.000đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/12/2021).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú